

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương 12 tháng năm 2022, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 320/TTr-STC ngày 17 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương 12 tháng năm 2022, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quê-03.3).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

THUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 12 tháng năm 2022,
tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: 14.282.037 triệu đồng, bằng 117% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 100% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 5% so với cùng kỳ năm trước.

I. Thu nội địa: 13.229.192 triệu đồng, bằng 120% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 101% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương: 570.785 triệu đồng, bằng 119% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 114% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương: 637.668 triệu đồng, bằng 152% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 116% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 761.470 triệu đồng, bằng 109% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 90% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 30% so với cùng kỳ năm trước.

4. Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 1.703.718 triệu đồng, bằng 108% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 97% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 2% so với cùng kỳ năm trước.

5. Thu lệ phí trước bạ: 848.975 triệu đồng, bằng 173% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 131% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 39% so với cùng kỳ năm trước.

6. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 12.288 triệu đồng, bằng 154% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 66% so với cùng kỳ năm trước.

7. Thu thuế thu nhập cá nhân: 1.493.732 triệu đồng, bằng 249% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 164% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 57% so với cùng kỳ năm trước.

8. Thu thuế bảo vệ môi trường: 148.851 triệu đồng, bằng 71% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 88% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 24% so với cùng kỳ năm trước.



9. Thu phí, lệ phí: 145.040 triệu đồng, bằng 108% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.

10. Thu tiền sử dụng đất: 4.106.899 triệu đồng, bằng 87% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 76% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

11. Thu tiền thuê đất: 1.408.999 triệu đồng, bằng 233% dự toán Bộ Tài chính giao và đạt 137% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 127% so với cùng kỳ năm trước.

12. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 89.919 triệu đồng, bằng 145% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 115% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

13. Thu xổ số kiến thiết: 962.896 triệu đồng, bằng 117% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 113% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 27% so với cùng kỳ năm trước.

14. Thu khác ngân sách: 325.942 triệu đồng, bằng 155% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước.

II. Thu từ Hải quan: 1.044.030 triệu đồng, bằng 91% dự toán Bộ Tài chính giao và dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước.

B. CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH: 8.814 triệu đồng.

C. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: 15.821.836 triệu đồng, bằng 109% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 86% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 17% so với cùng kỳ năm trước.

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 8.494.136 triệu đồng, bằng 140% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 114% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 52% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thường xuyên: 7.318.752 triệu đồng, bằng 105% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 83% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp kinh tế: 1.069.558 triệu đồng, đạt 41% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 34% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 2.752.784 triệu đồng, đạt 90% dự toán Bộ Tài chính giao, đạt 87% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 590.266 triệu đồng, đạt 101% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 24% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 24.047 triệu đồng, đạt 99% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 53% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao và du lịch: 157.136 triệu đồng, đạt 99% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

6. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 91.239 triệu đồng, đạt 70% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 32% so với cùng kỳ năm trước.

7. Chi đảm bảo xã hội: 423.897 triệu đồng, đạt 112% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

8. Chi quản lý hành chính: 1.625.331 triệu đồng, đạt 129% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 2% so với cùng kỳ năm trước.

9. Chi an ninh - quốc phòng: 526.204 triệu đồng, đạt 126% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.

10. Chi khác ngân sách: 58.290 triệu đồng, đạt 71% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 32% so với cùng kỳ năm trước.

D. CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH: 8.814 triệu đồng.



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 12 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 356 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN	
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12 tháng năm 2021
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	12.180.000	14.250.000	13.672.779	
I	Thu cân đối NSNN	12.180.000	14.250.000	13.654.997	
1	Thu nội địa	11.030.000	13.100.000	12.370.120	
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.150.000	1.150.000	1.284.877	
4	Thu kết dư ngân sách				
II	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			17.782	
III	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	14.488.165	18.488.000	18.964.089	
I	Chi cân đối NSDP	13.316.330	18.488.000	18.946.307	
1	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.481.382	5.581.419	
2	Chi thường xuyên	6.990.109	8.802.907	7.964.602	
3	Chi chuyển nguồn	-	-	5.249.082	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN	
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12 tháng năm 2021
A	B	1	2	3	4
4	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	-	1.490.785	-	
6	Chi trả lãi, phí vay	-	-	-	
7	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối	-	122.452	-	
8	Chi nộp ngân sách cấp trên	-	-	150.204	
9	Dự phòng	265.081	589.474	-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.171.835	-		
III	Các khoản chi được quản lý qua NSNN			17.782	
IV	Chi trả nợ gốc	-	-		
V	Chi hoàn trả tạm ứng NSTW				
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 12 THÁNG
(Kèm theo Quyết định số 356 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023)

STT	Nội dung	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12 th
A	B	1	2	3	
Tổng thu NSNN trên địa bàn		12.180.000	14.250.000	13.672.779	
A	Tổng các khoản thu cân đối NSNN	12.180.000	14.250.000	13.654.997	
I	Thu nội địa	11.030.000	13.100.000	12.370.120	
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	480.000	500.000	659.137	
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	420.000	550.000	531.942	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	700.000	850.000	1.086.470	
4	Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	1.580.000	1.750.000	1.745.746	
5	Lệ phí trước bạ	490.000	650.000	610.293	
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	8.000	8.000	7.400	
7	Thuế thu nhập cá nhân	600.000	910.000	949.949	
8	Thuế bảo vệ môi trường	210.000	170.000	195.856	
9	Thu phí và lệ phí	134.000	134.000	128.700	
10	Tiền sử dụng đất	4.700.000	5.400.000	4.727.441	

STT	Nội dung	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12 th
A	B	1	2	3	
11	Thu tiền cho thuê đất	606.000	1.030.000	620.011	
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	78.000	88.158	
13	Thu xổ số kiến thiết	820.000	850.000	756.506	
14	Thu khác	210.000	210.000	231.330	
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			236	
16	Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	10.000	10.000	30.945	
II	Thu từ Hải quan	1.150.000	1.150.000	1.284.877	
B	Các khoản thu quản lý qua ngân sách			17.782	
C	Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	10.735.350	11.836.820	12.105.550	1
1	Từ các khoản thu phân chia	3.703.700	3.867.220	4.406.550	
2	Từ các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	7.031.650	7.969.600	7.699.000	



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 12 THÁNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số 356 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN	
		Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12 tháng năm 2023
A	B	2	3	4	5
	Tổng chi NSDP	14.488.165	18.488.000	18.964.089	
A	Chi cân đối NSDP	13.316.330	18.488.000	18.946.307	
I	Chi đầu tư phát triển	6.060.140	7.481.382	5.581.419	
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	6.060.140	7.432.782	5.581.419	
2	Nguồn hỗ trợ từ TPHCM		30.000		
3	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		18.600		
4	Chi trả nợ vay tín dụng 2011-2015				
II	Chi thường xuyên	6.990.109	8.802.907	7.964.602	
1	Chi sự nghiệp kinh tế		2.603.916	1.611.082	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.051.111	3.166.882	2.704.465	
3	Chi sự nghiệp y tế		583.557	774.761	
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	24.378	24.378	15.714	
5	Chi sự nghiệp văn hoá du lịch và thể thao		158.387	122.192	
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		130.797	133.619	

STT	NỘI DUNG	Bộ Tài chính giao	HĐND tỉnh quyết định	12 tháng năm 2021	12
A	B	2	3	4	
7	Chi đảm bảo xã hội		378.529	361.413	
8	Chi quản lý hành chính		1.257.126	1.597.759	
9	Chi an ninh quốc phòng địa phương		417.741	558.284	
10	Chi khác ngân sách		81.594	85.313	
III	Chi chuyển nguồn		-	5.249.082	
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	
V	Chi thực hiện cải cách tiền lương		1.490.785		
VI	Chi trả lãi, phí vay				
VII	Chi cho các nhiệm vụ từ nguồn tăng thu cân đối		122.452		
VIII	Chi nộp ngân sách cấp trên			150.204	
IX	Dự phòng	265.081	589.474		
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	1.171.835			
C	Các khoản chi quản lý qua ngân sách			17.782	
D	Chi trả nợ gốc				
E	Chi hoàn trả tạm ứng NSTW				